

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THỎA THUẬN KHUNG MUA SẮM TẬP TRUNG

Gói thầu: Mua sắm tập trung 04 máy kiểm đếm, phân loại tiền cho các đơn vị NHNN
Số: 0812/2023/TTK/PHKQ-HONGHA

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ văn bản số 4967/NHNN-TCKT ngày 26/06/2023 của Ngân hàng Nhà nước v/v thông báo kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1978/QĐ-NHNN ngày 24/10/2023 của Thống đốc NHNN v/v phê duyệt dự toán mua sắm tập trung 04 máy kiểm đếm, phân loại tiền cho các đơn vị Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2077/QĐ-NHNN ngày 03/11/2023 của Thống đốc NHNN v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua sắm tập trung 04 máy kiểm đếm, phân loại tiền cho các đơn vị Ngân hàng Nhà nước”;

Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-PHKQ6 ngày 09/11/2023 của Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ v/v phê duyệt E-HSMT gói thầu “Mua sắm tập trung 04 máy kiểm đếm, phân loại tiền cho các đơn vị Ngân hàng Nhà nước”;

Căn cứ Quyết định số 322/QĐ-PHKQ1 ngày 06/12/2023 của Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ v/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua sắm tập trung 04 máy kiểm đếm, phân loại tiền cho các đơn vị Ngân hàng Nhà nước”;

Căn cứ Biên bản thương thảo thỏa thuận khung mua sắm tập trung số 01/2023/TTTTK/PHKQ-HONGHA ngày 28/11/2023 ký kết giữa Cục Phát hành và Kho quỹ - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà.

Hôm nay, ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại Cục Phát hành và Kho quỹ, Ngân hàng Nhà nước Việt nam, chúng tôi gồm có:

I. Đơn vị mua sắm tập trung: CỤC PHÁT HÀNH VÀ KHO QUỸ - NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (Sau đây gọi là Bên A)

Địa chỉ: Số 49 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: 0243 9360668

Fax: 0243 8244650

Tài khoản: 602.004.000.000.7900 tại Sở giao dịch Ngân hàng Nhà Nước

Đại diện: **Bà Lê Văn Quỳnh**

Chức vụ: **Phó Cục trưởng**

(Giấy ủy quyền số 302/GUQ-PHKQ1 ngày 30/12/2022 của Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ)

II. Nhà thầu cung cấp tài sản: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ HỒNG HÀ (Sau đây gọi là Bên B)

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Savina, số 1 Đinh Lễ, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0243 2669122

Fax : 0243 2669123

Giấy đăng ký kinh doanh: 0106864881

Mã số thuế: 0106864881

Tài khoản: 0601101264002 tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Tây Hồ

Đại diện là: **Bà Đỗ Quỳnh Hương**

Chức vụ: **Giám đốc**

Hai bên thống nhất ký kết thỏa thuận khung mua sắm tập trung gói thầu “Mua sắm tập trung 04 máy kiểm đếm, phân loại tiền cho các đơn vị Ngân hàng Nhà nước” với nội dung như sau:

III. NỘI DUNG THỎA THUẬN KHUNG

Điều 1. Phạm vi cung cấp tài sản

1.1. Tên tài sản: Máy kiểm đếm, phân loại tiền mới 100%, sản xuất năm 2021/2022 (*Chi tiết hàng hóa, thông số kỹ thuật theo Phụ lục số 01 đính kèm*)

1.2. Bảng kê số lượng tài sản: Bên A giao cho Bên B cung cấp hàng hóa cụ thể như sau:

TT	Loại hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Máy kiểm đếm phân loại tiền Model: UW-F4EUVN Hãng sản xuất: Glory Xuất xứ: Nhật Bản	Chiếc	04	956.580.000	3.826.320.000

1.3. Danh sách đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản: Mỗi đơn vị 01 máy kiểm đếm, phân loại tiền, cụ thể:

- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thành phố Hải Phòng – Số 04 Nguyễn Tri Phương, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.
- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Tỉnh Nghệ An – Số 01 Nguyễn Sỹ Sách, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Tỉnh Bình Định – Số 68 Đường Lê Duẩn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu - Số 10 Đường Nguyễn Thái Học, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 2. Loại hợp đồng và giá hợp đồng

2.1. Loại hợp đồng: trọn gói.

2.2. Giá trị thỏa thuận khung: **3.826.320.000 đồng** (*Bằng chữ: Ba tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*)

Giá đã bao gồm thuế GTGT 8%, chi phí lắp đặt, hướng dẫn vận hành sử dụng cho các đơn vị và chi phí vận chuyển đến địa bàn bàn giao theo yêu cầu của bên mua.

(Thuế GTGT 8% thực hiện theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/7/2023 đến ngày 31/12/2023. Trường hợp trong thời gian thực hiện Thỏa thuận khung mức thuế suất thuế GTGT thay đổi theo chính sách thuế của Nhà nước, giá trị thỏa thuận khung được xác định theo chính sách thuế của Nhà nước tại thời điểm thực hiện).

Điều 3. Tạm ứng, thanh toán thỏa thuận khung

3.1. Tạm ứng:

- Tạm ứng: Sau khi các hợp đồng mua sắm tài sản có hiệu lực và Bên B cung cấp cho Bên A: Bảo đảm thực hiện hợp đồng (theo Mẫu số 18 Phần 4 E-HSMT), Bảo lãnh tiền tạm ứng (theo Mẫu số 19 Phần 4 E-HSMT), Giấy đề nghị tạm ứng; Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B số tiền bằng 30% giá trị thỏa thuận khung trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ bộ chứng từ đề nghị tạm ứng của Bên B, tương đương số tiền: **1.147.896.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ một trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

- Giá trị bảo lãnh tiền tạm ứng bằng số tiền tạm ứng.

- Thời điểm nộp bảo lãnh tiền tạm ứng: Bên B có trách nhiệm nộp Bảo lãnh tạm ứng cho Bên A ngay sau khi các hợp đồng mua sắm tài sản có hiệu lực.

3.2. Thanh toán:

a. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

b. Đồng tiền thanh toán: VND

c. Tài khoản giao dịch nhận tiền thanh toán hợp đồng:

- Đơn vị thụ hưởng: **CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ HỒNG HÀ**

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Savina, số 1 Đinh Lễ, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

- Số tài khoản: 0601101264002

- Tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Tây Hồ.

d. Điều kiện và thời hạn thanh toán:

Việc thanh toán cho Nhà thầu do Đơn vị mua sắm tập trung (Bên A) thực hiện. Thanh toán chia làm 02 đợt:

- Đợt 1: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 85% giá trị thỏa thuận khung (số tiền thanh toán khấu trừ 30% số tiền đã tạm ứng), tương ứng với số tiền là: **2.104.476.000 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ một trăm linh bốn triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) trong vòng 10 ngày làm việc sau khi hoàn thành kiểm tra, thử nghiệm 04 máy tại trụ sở Cục Phát hành và Kho quỹ và hoàn thành nghiệm thu, bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng tại các đơn vị Ngân hàng Nhà nước trực tiếp sử dụng tài sản (Hải Phòng, Nghệ An, Bình Định, Bà Rịa – Vũng Tàu). Hồ sơ thanh toán gồm:

+ Một (01) bản gốc và ba (03) bản sao chứng thực: Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO); Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ); Bảng kê chi tiết hàng hóa (Packinglist);

+ Một (01) bản gốc và ba (03) bản sao chứng thực Chứng thư giám định hàng hóa của cơ quan có chức năng cấp;

+ Biên bản kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa tại Cục Phát hành và Kho quỹ - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

+ Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản tại các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản: Hải Phòng, Nghệ An, Bình Định, Bà Rịa – Vũng Tàu *(Theo mẫu tại phụ lục số 02 đính kèm Thỏa thuận khung)*

+ Biên bản nghiệm thu tổng thể gói thầu giữa đơn vị mua sắm tập trung (Bên A) và Nhà thầu (Bên B).

+ Giấy chứng nhận bảo hành của hãng sản xuất (Bản sao chứng thực).

+ Bảo lãnh bảo hành (Bản sao chứng thực).

+ Sách hướng dẫn sử dụng, Cataloge và tài liệu kỹ thuật *(Nếu là bản tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt và nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch)*.

+ Biên bản thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản giữa đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản và Nhà thầu cung cấp tài sản.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng.

+ Giấy đề nghị thanh toán của Bên B.

- Đợt 2: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 15% giá trị còn lại thỏa thuận khung trong vòng 10 ngày làm việc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán gói thầu.

Điều 4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Bên B phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng cách nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 18 Phần 4, E-HSMT).

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá trị thỏa thuận khung, tương đương số tiền là **114.789.600 đồng** *(Bằng chữ: Một trăm mười bốn triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm đồng)*.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày thỏa thuận khung có hiệu lực cho đến khi hoàn thành nghiệm thu, bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng tại các đơn vị Ngân hàng Nhà nước (Hải Phòng, Nghệ An, Bình Định, Bà Rịa – Vũng Tàu) và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Bên B không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.

- Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B không chậm hơn 20 ngày kể từ khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu đồng thời Bên B đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

- Bên B không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- + Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- + Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- + Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Điều 5. Thời gian, địa điểm bàn giao tài sản

5.1. Thời gian bàn giao tài sản:

- Tối đa 60 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực đến khi hoàn thành nghiệm thu, bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng.

- Bên B có văn bản thông báo về thời gian thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa cho Bên A tối thiểu 05 ngày trước ngày kiểm tra, thử nghiệm và kèm theo một bộ bản sao các chứng từ sau:

- + Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO); Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ), bảng kê chi tiết hàng hóa (Packinglist);
- + Chứng thư giám định hàng hóa của cơ quan có chức năng;
- + Sách hướng dẫn sử dụng, Catalog và tài liệu kỹ thuật *(Nếu là bản tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt và Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch)*.

- Bên B gửi kế hoạch nghiệm thu, bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng cho Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản, đồng thời gửi Đơn vị mua sắm tập trung (Bên A) tối thiểu 05 ngày trước ngày bàn giao hàng hóa và cung cấp Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản bộ chứng từ liên quan đến tài sản trang bị như sau:

- + 01 bản sao chứng thực Chứng thư giám định hàng hóa của cơ quan có chức năng cấp;
- + 01 bản sao chứng thực giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (CO) và bảng kê chi tiết hàng hóa (Packinglist);
- + 01 bản sao chứng thực giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ);
- + 01 bản sao chứng thực Giấy chứng nhận bảo hành của hãng sản xuất;
- + Sách hướng dẫn sử dụng, Cataloge và tài liệu kỹ thuật *(Nếu là bản tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt và Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch)*.

5.2. Địa điểm bàn giao tài sản:

- NHNN Chi nhánh Thành phố Hải Phòng: Số 04 Nguyễn Tri Phương, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

- NHNN Chi nhánh Tỉnh Nghệ An: Số 01 Nguyễn Sỹ Sách, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

- NHNN Chi nhánh Tỉnh Bình Định: Số 68 Đường Lê Duẩn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

- NHNN Chi nhánh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Số 10 Đường Nguyễn Thái Học, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 6. Bảo hành, hướng dẫn sử dụng tài sản

6.1. Điều kiện bảo hành:

- Thời hạn bảo hành: Bảo hành 12 tháng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất kể từ ngày nghiệm thu bàn giao hàng hóa vào sử dụng. Hỗ trợ kỹ thuật, khắc phục sự cố trực tiếp tại đơn vị sử dụng hoặc hỗ trợ từ xa. Nếu hàng hoá phải sửa chữa hay thay thế trong thời gian bảo hành thì thời gian bảo hành cho thiết bị được sửa chữa hay thay thế sẽ được tính kéo dài tương ứng kể từ ngày Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản chấp nhận thiết bị sửa chữa hoặc thay thế đó.

- Địa điểm bảo hành: Tại địa điểm bàn giao, nghiệm thu hàng hóa theo quy định tại Điều 5 Thỏa thuận khung.

- Tiền bảo hành: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành nghiệm thu, bàn giao hàng hóa cho từng đơn vị NHNN, Bên B phải nộp Bảo lãnh bảo hành của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam với giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng mua sắm tài sản cho đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo hành. Bên được bảo hành sẽ giải chấp bảo lãnh bảo hành cho Bên B theo thời hạn bảo hành quy định.

- Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh khi sử dụng hàng hoá trong thời hạn bảo hành:

+ Bên B bảo hành những lỗi do lỗi của nhà sản xuất, không bảo hành những lỗi do người sử dụng gây ra.

+ Việc khiếu nại liên quan đến bảo hành phải được thực hiện bằng văn bản;

+ Bên B phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật của hàng hóa cho các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản. Mọi chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật... do Bên B chịu. Trường hợp Bên B không khắc phục hư hỏng, lỗi sản xuất, khuyết tật... của hàng hóa đúng thời hạn, Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản sẽ tự sửa chữa và khắc phục. Mọi chi phí liên quan đến việc sửa chữa hàng hóa trong thời hạn bảo hành, Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản sẽ yêu cầu Ngân hàng bảo lãnh bảo hành cho Bên B thanh toán hoặc yêu cầu Bên B hoàn trả.

6.2. Hướng dẫn sử dụng tài sản: Bên B hướng dẫn sử dụng hàng hóa tại địa điểm cung cấp hàng hóa cho các đơn vị trực tiếp sử dụng.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của các Bên có liên quan

7.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Ký kết thỏa thuận khung và Biên bản thanh lý thỏa thuận khung với Bên B;

- Thông báo đến các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản về ký kết Hợp đồng mua sắm tài sản kèm theo Thỏa thuận khung. Trên cơ sở thông báo bằng văn bản của Bên A, các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản ký hợp đồng mua sắm tài sản với Bên B.

- Đăng tải công khai kết quả theo quy định trên trang thông tin điện tử tổng hợp về tài sản nhà nước của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch – Đầu tư và Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà Nước.

- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện: mặt bằng, nhân sự, các loại tiền kiểm đếm, phân loại... để thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa theo quy định Điều 16 Thỏa thuận khung.

- Giám sát quá trình thực hiện thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản. Thực hiện tạm ứng, thanh toán cho Bên B và tập hợp hồ sơ quyết toán kinh phí mua sắm tài sản trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp với đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản trong quá trình thực hiện hợp đồng mua sắm tài sản.

7.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Bên B có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ số lượng hàng hóa đảm bảo đúng chủng loại, chất lượng, nhãn hiệu, mã hiệu, xuất xứ theo đúng quy định tại Thỏa thuận khung.

- Thực hiện ký kết Thỏa thuận khung mua sắm tập trung với Bên A; Ký Hợp đồng mua sắm tài sản với các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản; Ký các Biên bản theo quy định của Thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản. Chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng từ phục vụ thanh quyết toán theo quy định Thỏa thuận khung.

- Hợp đồng mua sắm tài sản phải được ký kết trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Thỏa thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực.

- Cử cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có đủ năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm tra, thử nghiệm tại Cục Phát hành và Kho quỹ và lắp đặt, hướng dẫn vận hành cho đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản. Trước khi cung cấp hàng hóa, Bên B phải cung cấp danh sách cán bộ tham gia thực hiện gói thầu và có văn bản lý lịch trích ngang của cán bộ thực hiện kiểm tra, thử nghiệm, lắp đặt, bàn giao và hướng dẫn sử dụng cho đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

- Bên B phải cung cấp quy trình, nội dung công việc bảo trì, bảo dưỡng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất cho các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

- Bên B có trách nhiệm đảm bảo nguồn vốn trong quá trình thực hiện gói thầu.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác quy định tại Thỏa thuận khung.

7.3. Quyền và nghĩa vụ của Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản:

- Thực hiện ký kết hợp đồng mua sắm tài sản với Bên B (*Theo Mẫu tại phụ lục số 02 đính kèm Thỏa thuận khung*). Hợp đồng mua sắm tài sản phải được ký kết trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Thỏa thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực.

- Tạo điều kiện cho Bên B thực hiện nội dung công việc theo quy định Thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản. Phối hợp Bên B thực hiện nghiệm thu, bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng.

- Lập biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản (*Theo Mẫu tại phụ lục số 02 đính kèm Thỏa thuận khung*).

- Hạch toán, theo dõi tài sản trên sổ sách kế toán, quản lý và sử dụng tài sản được trang bị theo quy định của Nhà nước và của Ngân hàng Nhà Nước.

- Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản với Bên B. Việc thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật và hợp đồng mua sắm tài sản đã ký với Bên B.

- Thông báo, phối hợp với Bên A trong việc giải quyết những phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng mua sắm, bảo hành, bảo trì.

- Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm gửi 02 (hai) bản chính các văn bản: Hợp đồng mua sắm tài sản; Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản và Biên bản thanh lý hợp đồng về Bên A (Cục Phát hành và Kho quỹ) ngay sau khi hoàn thành công việc hợp đồng để Bên A tập hợp hồ sơ quyết toán.

Điều 8. Hiệu lực của thỏa thuận khung, thời gian thực hiện thỏa thuận khung, thanh lý thỏa thuận khung, thời hạn sử dụng thỏa thuận khung

8.1. Thỏa thuận khung có hiệu lực sau 03 ngày kể từ ngày ký và Bên A nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng của Bên B.

8.2. Thời gian thực hiện thỏa thuận khung: 60 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực đến khi hoàn thành nghiệm thu, bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng.

8.3. Thỏa thuận khung được thanh lý sau khi các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản và Bên B ký biên bản thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản và Bên A hoàn thành thanh toán đợt 1 cho Bên B.

8.4. Thời hạn sử dụng thỏa thuận khung là 120 ngày kể từ ngày thỏa thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực.

Điều 9. Thông báo

9.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến thỏa thuận khung phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ:

Bên A- Cục Phát hành và Kho quỹ, Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam, 49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Số điện thoại: 0243.9360668; Fax: 0243.8244650

Bên B- Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà, Tầng 3, Tòa nhà Savina, số 1 Đinh Lễ, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội. Số điện thoại: 024 – 32669122; Fax: 024 – 32669123

9.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp

10.1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. Thời gian để tiến hành hòa giải tối đa là 10 ngày làm việc kể từ khi phát sinh tranh chấp.

10.2. Giải quyết tranh chấp: Các tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án kinh tế Hà Nội theo luật pháp Việt Nam và những điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia. Quyết định của Tòa án kinh tế sẽ là quyết định cuối cùng và ràng buộc hai bên. Tất cả mọi chi phí cho việc xử kiện sẽ do bên thua chịu.

Điều 11. Bản quyền

Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà nhà thầu đã cung cấp cho các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

Điều 12. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng

12.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A, Bên B không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, kiểu dáng, mẫu mã, thông tin do Bên A đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Bên B cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.

12.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, Bên B không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào quy định tại Mục 12.1 vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng.

Điều 13. Đóng gói hàng hóa

Bên B sẽ phải đóng gói hàng hóa theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển hàng hóa từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải đảm bảo hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.

Điều 14. Bảo hiểm

Hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng. Bên B tự chịu trách nhiệm mua bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bảo đảm hàng hóa được giao đúng tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của hợp đồng.

Điều 15. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh

15.1. Vận chuyển: Bên B phải vận chuyển hàng hóa đến các địa điểm giao hàng theo quy định tại Điều 5 Thỏa thuận khung.

15.2. Dịch vụ yêu cầu khác:

- Vật tư, phụ tùng thay thế: Bên B có trách nhiệm cung cấp phụ tùng, vật tư thay thế chính hãng sản xuất trong thời hạn 05 năm kể từ khi hết hạn bảo hành của hàng hóa theo yêu cầu của Bên mua.

- Dịch vụ sau bán hàng:

- + Bên B có trách nhiệm cung cấp dịch vụ bảo trì sau thời gian bảo hành nếu được yêu cầu (chi phí do Bên mua chịu).

+ Hỗ trợ kỹ thuật cho Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa khi có yêu cầu, trong khoảng thời gian được các Bên đồng ý, với điều kiện là những dịch vụ này không miễn trừ cho Bên B khỏi các nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo quy định tại hợp đồng.

Điều 16. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

16.1. Trước khi nghiệm thu, bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng tại các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa.

16.2. Địa điểm kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: Cục Phát hành và Kho quỹ - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Số 49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Thời gian thực hiện kiểm tra, thử nghiệm: Dự kiến 8-10 ngày.

16.3. Nội dung kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa:

- Kiểm tra tổng quát: Kiểm tra nhãn hiệu, model, chủng loại, năm sản xuất, nước sản xuất... của hàng hóa với hồ sơ Nhà thầu cung cấp (CO, CQ, chứng thư giám định hàng hóa của cơ quan chức năng) đảm bảo đúng quy định tại Thỏa thuận khung ký kết giữa hai bên.

- Kiểm tra tình trạng vận hành của máy: Kiểm tra hoạt động của máy, đảm bảo máy hoạt động bình thường.

- Kiểm tra, thử nghiệm chức năng kiểm đếm, phân loại tiền: Máy được cài đặt thông số thực hiện kiểm đếm, phân loại tiền đủ/không đủ tiêu chuẩn lưu thông theo quy định và yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước. Việc kiểm tra, thử nghiệm được tiến hành như sau:

- (i) Thử nghiệm chức năng kiểm đếm, phân loại tiền đủ/không đủ tiêu chuẩn lưu thông của máy: Đánh giá khả năng kiểm đếm, phân loại của máy trên mẫu tiền thử nghiệm.

- (ii) Kiểm tra tính ổn định giữa các lần chạy của máy: Tính toán sai số bình quân giữa các lần chạy của máy trên cùng một bó tiền, so sánh với tỷ lệ do Bên A yêu cầu.

- (iii) Kiểm tra mức độ đáp ứng yêu cầu tuyển chọn, phân loại tiền so với phân loại thủ công: Tuyển chọn thủ công với bó tiền được phân loại bởi máy, tính toán sai số giữa máy và thủ công; so sánh với tỷ lệ do Bên A yêu cầu.

** Đánh giá, ghi nhận kết quả:*

Bên A và Bên B ký Biên bản kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa khi hàng hóa đáp ứng yêu cầu của Bên A, cụ thể:

- Máy có khả năng kiểm đếm, phân loại tiền theo bộ tiêu chuẩn tiền đủ/không đủ tiêu chuẩn lưu thông ứng dụng trên máy: Máy đáp ứng tất cả các tiêu chí theo yêu cầu.

- Máy chạy ổn định: Sai số giữa các lần chạy của máy trên cùng một bó tiền bình quân nhỏ hơn tỷ lệ do Bên A yêu cầu.

- Máy có khả năng kiểm đếm, phân loại tiền so với kiểm đếm, phân loại thủ công với khác biệt nhỏ hơn tỷ lệ do Bên A yêu cầu.

16.4. Trường hợp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu theo quy định Thỏa thuận khung thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến

hành những điều chỉnh cần thiết để đảm bảo hàng hóa đáp ứng đúng yêu cầu quy định tại Thỏa thuận khung. Chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm và mọi chi phí phát sinh khác do Bên B chịu.

16.5. Khi thực hiện các nội dung quy định tại Mục 16.1 và Mục 16.2 nêu trên, Bên B không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản.

Điều 17. Bồi thường thiệt hại

Trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 18 thỏa thuận khung này, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo thỏa thuận khung trong thời hạn đã nêu trong thỏa thuận khung thì Bên A có thể khấu trừ vào giá thỏa thuận khung một khoản tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ % giá trị công việc chậm thực hiện tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Cụ thể:

Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: 8% giá trị nội dung công việc không thực hiện theo thỏa thuận khung.

Mức khấu trừ: 0,5%/tuần đối với giá trị nội dung công việc chậm thực hiện.

Mức khấu trừ tối đa: 5% đối với giá trị nội dung công việc chậm thực hiện. Khi mức khấu trừ đạt mức tối đa, Bên A sẽ xem xét chấm dứt thỏa thuận khung như quy định tại Điều 20 thỏa thuận khung này.

Điều 18. Bất khả kháng

18.1. Trong thỏa thuận khung này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.

18.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong khoảng thời gian không thể thực hiện thỏa thuận khung do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ thỏa thuận khung của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Bên A phải xem xét để bồi hoàn cho Bên B các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà Bên B phải gánh chịu.

18.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt thỏa thuận khung.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 10 thỏa thuận khung.

Điều 19. Hiệu chỉnh, bổ sung thỏa thuận khung

19.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung thỏa thuận khung có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Bổ sung hạng mục công việc, hàng hóa hoặc dịch vụ cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong thỏa thuận khung;
- b) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;
- c) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- d) Thay đổi thời gian thực hiện thỏa thuận khung:

Việc thay đổi thời gian thực hiện thỏa thuận khung chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:

- Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia thỏa thuận khung;

- Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện thỏa thuận khung;

- Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện thỏa thuận khung mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia thỏa thuận khung thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện thỏa thuận khung làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Các trường hợp khác: Các trường hợp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

19.2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung thỏa thuận khung trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung thỏa thuận khung.

Điều 20. Chấm dứt thỏa thuận khung

20.1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt thỏa thuận khung nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về thỏa thuận khung như sau:

- a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo thỏa thuận khung trong thời hạn đã nêu trong thỏa thuận khung hoặc trong khoảng thời gian đã được gia hạn;

- b) Bên A hoặc Bên B bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;

- c) Có bằng chứng cho thấy Bên B đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện thỏa thuận khung;

- d) Các hành vi khác: Các hành vi dẫn đến sự không đáp ứng về nghĩa vụ, trách nhiệm của hai bên theo quy định tại thỏa thuận khung đã ký.

20.2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ thỏa thuận khung theo điểm a Khoản 20.1 nêu trên thì Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần thỏa thuận khung bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần thỏa thuận khung không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần công việc do mình thực hiện.

20.3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt thỏa thuận khung theo quy định tại điểm b Khoản 20.1 nêu trên, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt thỏa thuận khung này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của thỏa thuận khung và pháp luật.

Điều 21. Nội dung liên quan khác

Thỏa thuận khung này được làm thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau: Đơn vị mua sắm tập trung và Nhà thầu cung cấp tài sản mỗi bên giữ 02 (hai) bản; gửi Vụ Tài chính - Kế toán Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 01 (một) bản.

Thỏa thuận khung này là cơ sở để các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản ký hợp đồng mua sắm tài sản với Nhà thầu cung cấp tài sản./.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ MUA SẮM TẬP TRUNG
CỤC PHÁT HÀNH VÀ KHO QUỸ**

PHÓ CỤC TRƯỞNG

Lê Văn Quỳnh

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CUNG CẤP TÀI SẢN
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ HỒNG HÀ**


GIÁM ĐỐC
Lã Quỳnh Hương

PHỤ LỤC SỐ 01 – BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHI TIẾT

(Đính kèm Thỏa thuận khung số: 0812/2023/TTK/PHKQ-HONGHA ngày 08/12/2023)

STT	Loại hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Ghi chú
	MÁY KIỂM ĐẾM, PHÂN LOẠI TIỀN Model: UW-F4EUVN Hãng sản xuất: Glory Xuất xứ: Nhật Bản Năm sản xuất: 2021/2022		
A	PHẦN THIẾT BỊ		
Mục 1	Thông số kỹ thuật cơ bản		
1	Tốc độ đếm	1.000 tờ/phút	
2	Sức chứa khay nạp tiền phân loại (khay đặt tiền)	2.000 tờ	
3	Số cửa phân loại	4 + 1 (4 khay phân loại tiền + 1 khay tiền loại)	
4	Số khay phân loại tiền	04 khay	
5	Sức chứa khay phân loại tiền tối đa	500 tờ	
6	Số khay tiền loại	01 khay	
7	Sức chứa khay tiền loại	300 tờ	
8	Số lượng tiền tệ có thể vận hành	32 loại tiền tệ và 256 loại mệnh giá khi được cung cấp dữ liệu của các đồng tiền. Máy được cài đặt sẵn cho tiền VNĐ (Polymer)	
9	Màn hình hiển thị	Màn hình cảm ứng màu LCD 10 inch	
10	Nguồn điện	100 - 240V ± 10%, 50/60Hz	
11	Cổng kết nối	LAN, USB/RS-232C	
12	Ngôn ngữ sử dụng máy	Tiếng Anh – Tiếng Việt	
13	Công nghệ quét	Công nghệ quét sử dụng các cảm biến, chụp hai mặt của tờ tiền, đưa ra 06 hình ảnh khác nhau (các hình ảnh này được máy tự động chụp và xử lý để đưa ra kết quả thực hiện kiểm đếm phân loại).	
14	Công nghệ phát hiện tiền giả	Kiểm tra các yếu tố bảo an của tờ tiền để phân biệt giữa tiền thật hay tiền giả. Phát hiện các tờ tiền giả bằng công nghệ nhận dạng hình ảnh riêng biệt của Hãng sản xuất. So sánh 2 số sê-ri được in trên tờ tiền để phát hiện tiền nguyên vẹn hay cắt ghép khi được cung cấp đầy đủ dữ liệu của đồng tiền.	



Handwritten signature or mark.

STT	Loại hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Ghi chú
15	Công nghệ cảm biến	CIS, IR/UV, MG (cảm biến từ) và cảm biến độ dày.	
16	Xử lý tiền giấy (tiền ngoại tệ) và tiền Polymer	Lượng tiền bị từ chối thấp, các tờ tiền có kích thước nhỏ vẫn có thể chạy qua máy với ít nhất hai bánh lăn.	
17	Chỉ số báo đầy ngăn	Có	
18	Truyền kết quả đếm, phân loại	Qua cổng LAN, USB/SD card/RS232C Có thể đọc kết quả kiểm đếm truyền qua LAN, USB/SD card khi được trang bị đầy đủ phần mềm chuyên dụng, thiết bị, đường truyền mạng và máy in tương thích (kết nối qua cổng RS232C). <i>(Phần mềm chuyên dụng, máy in tương thích, thiết bị, đường truyền mạng là tùy chọn nâng cấp)</i>	
19	Kết nối với máy in và USB để xuất kết quả kiểm đếm	Kết nối được với máy in. Kết nối với USB/LAN để xuất kết quả kiểm đếm. Có thể đọc hoặc in kết quả kiểm đếm khi trang bị đầy đủ phần mềm chuyên dụng và máy in tương thích. <i>(Phần mềm chuyên dụng, máy in tương thích là tùy chọn nâng cấp)</i>	
Mục 2	Thông số kỹ thuật mở rộng (Option nâng cấp):	Máy có khả năng nâng cấp mở rộng nhằm nâng cao các tính năng:	
20	Nâng cấp số khay phân loại tiền	Có Option nâng cấp số khay phân loại tiền lên tới 16 khay.	
21	Kích thước và trọng lượng của khay phân loại tiền nâng cấp (Module nâng cấp)	Kích thước (mm): 1470 (rộng) x 455 (sâu) x 620 (cao). Trọng lượng: 149 kg	
22	Sức chứa khay phân loại tiền nâng cấp	200 tờ	
23	Kiểm tra tình trạng máy từ xa và khả năng nâng cấp	Có	
24	Thẻ tiêu đề	Có	
Mục 3	Chức năng máy		
25	Chức năng	Kiểm đếm và phân loại tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông.	
26		Kiểm đếm và phân loại tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông.	
27		Kiểm đếm, phân loại và phát hiện tiền giả, nghi giả.	
28		Đọc, nhận diện và ghi số seri khi được cung cấp đầy đủ dữ liệu của đồng tiền.	

CHỦ
CỤ
T HẠ
HỒ C
NHÀ

*

STT	Loại hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Ghi chú
29		Kiểm đếm, phân loại và sắp xếp theo chiều hướng và mặt của tờ tiền.	
30		Kiểm đếm và phân loại tiền theo từng loại mệnh giá.	
31		Kiểm đếm và phân loại tiền theo nhiều mệnh giá kể cả khi bị trộn lẫn.	
32		Kiểm đếm và phân chia tiền phân loại (tiền đạt) theo số lượng cài đặt (đối với tiền VNĐ quy định là 01 thếp gồm 100 tờ, do vậy cài đặt cho mỗi khay tiền phân loại (tiền đạt) đầy ngăn là 100 tờ).	
33		Kiểm đếm và phân loại theo chất lượng: ATM/FIT/UNFIT.	
34		Báo cáo các lý do tờ tiền bị loại.	
35	Các chức năng khác	Phát hiện OVI và quản lý số sê-ri được kết nối với giải pháp đám mây khi được cung cấp đầy đủ dữ liệu của đồng tiền.	
B	PHẦN MỀM VÀ HỆ ĐIỀU HÀNH		
36	Phần mềm chức năng cơ bản của máy	Theo tiêu chuẩn của Hãng sản xuất đã được tích hợp đầy đủ đảm bảo vận hành các chức năng của Máy.	
37	Phần mềm hỗ trợ vận hành của máy	1. Phát hiện sớm khi máy cần hỗ trợ. 2. Tiềm năng khôi phục từ xa cho các lỗi để tăng khả năng vận hành máy. 3. Nhanh chóng tiến hành các cập nhật để giảm tình trạng gián đoạn hoạt động của khách hàng. 4. Truyền mẫu tiền giấy từ xa và cập nhật cấu hình. 5. Theo dõi bất cứ tờ tiền nào thông qua quét hình ảnh – toàn bộ hay 1 phần khi được cung cấp đầy đủ dữ liệu của đồng tiền. 6. Từ chối tờ tiền có số Seri nằm trong danh sách đen cần kiểm tra khi được cung cấp đầy đủ dữ liệu của đồng tiền. 7. Từ chối tờ tiền bằng cách kiểm tra số seri kép khi được cung cấp đầy đủ dữ liệu của đồng tiền. 8. Ghi nhớ số Seri và dữ liệu tới bộ xử lý trung tâm/ Máy chủ cục bộ/ đám mây trong thời gian thực khi kết nối với hệ thống mạng và trang bị phần mềm chuyên dụng và được cung cấp đầy đủ dữ liệu của đồng tiền (<i>Phần mềm chuyên dụng là tùy chọn nâng cấp</i>).	Máy kiểm đếm, phân loại tiền thực hiện các chức năng 1,2,3,4 khi đáp ứng hạ tầng về đường truyền dữ liệu từ đơn vị sử dụng với Hãng sản xuất.

STT	Loại hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Ghi chú
		9. Chức năng truy xuất cơ sở dữ liệu linh hoạt. 10. Báo cáo thông tin liên quan về trường hợp bị nghi ngờ cho Ngân hàng Trung Ương khi kết nối với hệ thống mạng và trang bị phần mềm chuyên dụng (<i>Phần mềm chuyên dụng là tùy chọn nâng cấp</i>).	
38	Phần mềm quản lý của máy	1. Hỗ trợ giám sát tình trạng hoạt động của thiết bị thời gian thực và lịch sử hoạt động của thiết bị khi thiết bị được kết nối với hệ thống mạng và trang bị phần mềm chuyên dụng (<i>Phần mềm chuyên dụng là tùy chọn nâng cấp</i>) 2. Thống kê báo cáo dữ liệu theo ngày/tháng/năm hoặc chọn khoảng thời gian báo cáo. Mẫu báo cáo có thể thay đổi theo yêu cầu của người sử dụng (đối với báo cáo Thông Tin Máy) bằng cách lựa chọn các danh mục có sẵn. 3. Cảnh báo đến người dùng khi có các bất thường xảy ra. Người dùng có thể cấu hình loại cảnh báo và độ ưu tiên cảnh báo.	
39	Hệ điều hành	Windows OS	
C	CHỨNG NHẬN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG		
40	Các chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng	CE (Chứng nhận tiêu chuẩn Châu Âu)	

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ MUA SẮM TẬP TRUNG
CỤC PHÁT HÀNH VÀ KHO QUỸ**

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Văn Quỳnh

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CUNG CẤP TÀI SẢN
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT DỊCH VỤ
CÔNG NGHỆ HỒNG HÀ**



GIÁM ĐỐC

Đỗ Quỳnh Hương



PHỤ LỤC SỐ 02 - CÁC MẪU BIỂU

(Đính kèm Thỏa thuận khung số: 0812/2023/TTK/PHKQ-HONGHA ngày 08/12/2023)

I. MẪU HỢP ĐỒNG MUA SẴM TÀI SẢN:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA SẴM TÀI SẢN

Số:

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thỏa thuận khung mua sắm tập trung số/2023/TTK/PHKQ-HONGHA ngày...../...../2023 ký kết giữa Cục Phát hành và Kho quỹ – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Nhà thầu Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà.

Hôm nay, ngày tháng năm , chúng tôi gồm có:

I. Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản:
(Sau đây gọi là Bên A)

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax:

Đại diện là Ông/Bà:Chức vụ:.....

II. Nhà thầu cung cấp tài sản: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ HỒNG HÀ (Sau đây gọi là Bên B)

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Savina, số 1 Đinh Lễ, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0243 - 2669122

Fax : 0243 – 2669123

Giấy đăng ký kinh doanh: 0106864881

Mã số thuế: 0106864881

Tài khoản: 0601101264002 tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Tây Hồ

Đại diện là Ông/Bà:Chức vụ:.....

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng mua sắm tài sản với các nội dung sau:

Điều 1. Chung loại, số lượng, giá bán tài sản:

1. Chung loại tài sản mua sắm: Máy kiểm đếm, phân loại tiền mới 100%, sản xuất năm 2021/2022. Chi tiết hàng hóa, tiêu chuẩn kỹ thuật, xuất xứ theo Phụ lục Hợp đồng.

2. Số lượng, giá bán tài sản mua sắm:

STT	Tên hàng hóa	Nước sản xuất/ Xuất xứ, Nhà sản xuất, ký mã hiệu, năm sản xuất	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Máy kiểm đếm, phân loại tiền	Model: UW-F4EUVN Hãng sản xuất: Glory Xuất xứ: Nhật Bản Năm sản xuất: 2021/2022	01 Chiếc	956.580.000	956.580.000
Tổng cộng			01 chiếc	956.580.000	956.580.000

Bằng chữ: Chín trăm năm mươi sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng./.

(Giá đã bao gồm thuế GTGT 8%, chi phí lắp đặt, hướng dẫn vận hành sử dụng cho các đơn vị và chi phí vận chuyển đến địa bàn bàn giao theo yêu cầu của bên mua)

Điều 2. Thời gian, địa điểm giao, nhận tài sản và tài liệu bàn giao

1. Thời gian giao, nhận tài sản: Tối đa 60 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực đến khi hoàn thành nghiệm thu, bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng.

2. Địa điểm giao, nhận tài sản:

3. Tài liệu bàn giao:

Bên B có văn bản thông báo cho Bên A về thời gian, kế hoạch bàn giao, nghiệm thu hàng hóa tối thiểu 05 ngày trước ngày bàn giao hàng hóa và cung cấp cho Bên A bộ chứng từ liên quan đến tài sản trang bị như sau:

- 01 bản sao chứng thực Chứng thư giám định hàng hóa của cơ quan có chức năng cấp;
- 01 bản sao chứng thực giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (CO) và bảng kê chi tiết hàng hóa (Packinglist);
- 01 bản sao chứng thực giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ);
- 01 bản sao chứng thực Giấy chứng nhận bảo hành của hãng sản xuất;
- Sách hướng dẫn sử dụng, Cataloge và tài liệu kỹ thuật (Nếu là bản tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt và Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch).

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Thực hiện ký kết hợp đồng mua sắm tài sản với Bên B (*Theo Mẫu tại phụ lục số 02 đính kèm Thỏa thuận khung*). Hợp đồng mua sắm tài sản phải được ký kết trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Thỏa thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực.

- Tạo điều kiện cho Bên B thực hiện nội dung công việc theo quy định Thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản. Phối hợp Bên B thực hiện nghiệm thu, bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng.

- Lập biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản (*Theo Mẫu tại phụ lục số 02 đính kèm Thỏa thuận khung*).

- Hạch toán, theo dõi tài sản trên sổ sách kế toán, quản lý và sử dụng tài sản được trang bị theo quy định của Nhà nước và của Ngân hàng Nhà Nước.

- Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản với Bên B. Việc thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật và hợp đồng mua sắm tài sản đã ký với Bên B.

- Thông báo, phối hợp với Đơn vị mua sắm tập trung trong việc giải quyết những phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng mua sắm, bảo hành, bảo trì.

- Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm gửi 02 (hai) bản chính các văn bản: Hợp đồng mua sắm tài sản; Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản và Biên bản thanh lý hợp đồng về Đơn vị mua sắm tập trung (Cục Phát hành và Kho quỹ) ngay sau khi hoàn thành công việc hợp đồng để tập hợp hồ sơ quyết toán.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Thực hiện ký kết hợp đồng mua sắm tài sản với Bên A và các biên bản theo quy định của Thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản (*Theo Mẫu tại phụ lục số 02 đính kèm Thỏa thuận khung*). Hợp đồng mua sắm tài sản phải được ký kết trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Thỏa thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực.

- Bên B có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ số lượng hàng hóa đảm bảo đúng chủng loại, chất lượng, nhãn hiệu, mã hiệu, xuất xứ theo đúng quy định tại Thỏa thuận khung và Hợp đồng mua sắm tài sản.

- Cử cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có đủ năng lực và kinh nghiệm thực hiện lắp đặt, hướng dẫn vận hành cho Bên A. Trước khi cung cấp hàng hóa, Bên B phải cung cấp danh sách cán bộ tham gia thực hiện hợp đồng và có văn bản lý lịch trích ngang của cán bộ thực hiện lắp đặt, bàn giao và hướng dẫn sử dụng cho Bên A.

- Bên B phải cung cấp quy trình, nội dung công việc bảo trì, bảo dưỡng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất cho Bên A.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác quy định tại Hợp đồng.

Điều 4: Bảo hành, bảo trì tài sản

1. Thời hạn bảo hành: Bảo hành 12 tháng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa hàng hóa vào sử dụng. Hỗ trợ kỹ thuật, khắc phục sự cố trực tiếp tại Bên A hoặc hỗ trợ từ xa. Nếu hàng hoá phải sửa chữa hay thay thế trong thời gian bảo hành thì thời gian bảo hành cho thiết bị được sửa chữa hay thay thế sẽ được tính kéo dài tương ứng kể từ ngày Bên A chấp nhận thiết bị sửa chữa hoặc thay thế đó.

2. Địa điểm bảo hành: Tại Điện thoại.....

3. Tiền bảo hành: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành nghiệm thu, bàn giao hàng hóa cho Bên A, Bên B phải nộp Bảo lãnh bảo hành của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam với giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng mua sắm tài sản cho Bên A để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo hành. Bên A sẽ giải chấp bảo lãnh bảo hành cho Bên B theo thời hạn bảo hành quy định.

4. Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh khi sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành:

- Bên B bảo hành những lỗi do lỗi của nhà sản xuất, không bảo hành những lỗi do người sử dụng gây ra.

- Việc khiếu nại liên quan đến bảo hành phải được thực hiện bằng văn bản.

- Bên B phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật của hàng hóa cho Bên A trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A. Mọi chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật... do Bên B chịu. Trường hợp Bên B không khắc phục hư hỏng, lỗi sản xuất, khuyết tật... của hàng hóa đúng thời hạn, Bên A sẽ tự sửa chữa và khắc phục. Mọi chi phí liên quan đến việc sửa chữa hàng hóa trong thời hạn bảo hành, Bên A sẽ yêu cầu Ngân hàng bảo lãnh bảo hành cho Bên B thanh toán hoặc yêu cầu Bên B hoàn trả.

5. Số điện thoại liên hệ bảo hành: hoặc hotline

6. Dịch vụ yêu cầu:

6.1. Vật tư, phụ tùng thay thế: Bên B có trách nhiệm cung cấp phụ tùng, vật tư thay thế chính hãng sản xuất trong thời hạn 05 năm kể từ khi hết hạn bảo hành của hàng hóa theo yêu cầu của Bên mua.

6.2. Dịch vụ sau bán hàng:

- Bên B có trách nhiệm cung cấp dịch vụ bảo trì sau thời gian bảo hành nếu được yêu cầu (chi phí do Bên mua chịu).

- Hỗ trợ kỹ thuật cho Bên A về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa khi có yêu cầu, trong khoảng thời gian được các Bên đồng ý, với điều kiện là những dịch vụ này không miễn trừ cho Bên B khỏi các nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo quy định tại hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 (sáu) bản có giá trị pháp lý như nhau: Bên A và Bên B mỗi bên giữ 02 (hai) bản; gửi 02 (hai) bản cho đơn vị mua sắm tập trung./.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CUNG CẤP TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ

✍

PHỤ LỤC SỐ 01: BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHI TIẾT
(Đính kèm Hợp đồng mua sắm tài sản số..... ngày tháng năm....)

STT	Loại hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Ghi chú
	MÁY KIỂM ĐẾM, PHÂN LOẠI TIỀN Model: UW-F4EUVN Hãng sản xuất: Glory Xuất xứ: Nhật Bản Năm sản xuất: 2021/2022		
A	PHẦN THIẾT BỊ		
Mục 1	Thông số kỹ thuật cơ bản		
1	Tốc độ đếm	1.000 tờ/phút	
2	Sức chứa khay nạp tiền phân loại (khay đặt tiền)	2.000 tờ	
3	Số cửa phân loại	4 + 1 (4 khay phân loại tiền + 1 khay tiền loại)	
4	Số khay phân loại tiền	04 khay	
5	Sức chứa khay phân loại tiền tối đa	500 tờ	
6	Số khay tiền loại	01 khay	
7	Sức chứa khay tiền loại	300 tờ	
8	Số lượng tiền tệ có thể vận hành	32 loại tiền tệ và 256 loại mệnh giá khi được cung cấp dữ liệu của các đồng tiền. Máy được cài đặt sẵn cho tiền VNĐ (Polymer)	
9	Màn hình hiển thị	Màn hình cảm ứng màu LCD 10 inch	
10	Nguồn điện	100 - 240V ± 10%, 50/60Hz	
11	Cổng kết nối	LAN, USB/RS-232C	
12	Ngôn ngữ sử dụng máy	Tiếng Anh – Tiếng Việt	
13	Công nghệ quét	Công nghệ quét sử dụng các cảm biến, chụp hai mặt của tờ tiền, đưa ra 06 hình ảnh khác nhau (các hình ảnh này được máy tự động chụp và xử lý để đưa ra kết quả thực hiện kiểm đếm, phân loại).	
14	Công nghệ phát hiện tiền giả	Kiểm tra các yếu tố bảo an của tờ tiền để phân biệt giữa tiền thật hay tiền giả. Phát hiện các tờ tiền giả bằng công nghệ nhận dạng hình ảnh riêng biệt của Hãng sản xuất. So sánh 2 số sê-ri được in trên tờ tiền để phát hiện tiền nguyên vẹn hay cắt ghép khi được cung cấp đầy đủ dữ liệu của đồng tiền.	

STT	Loại hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Ghi chú
15	Công nghệ cảm biến	CIS, IR/UV, MG (cảm biến từ) và cảm biến độ dày.	
16	Xử lý tiền giấy (tiền ngoại tệ) và tiền Polymer	Lượng tiền bị từ chối thấp, các tờ tiền có kích thước nhỏ vẫn có thể chạy qua máy với ít nhất hai bánh lăn.	
17	Chỉ số báo đầy ngăn	Có	
18	Truyền kết quả đếm, phân loại	Qua cổng LAN, USB/SD card/RS232C Có thể đọc kết quả kiểm đếm truyền qua LAN, USB/SD card khi được trang bị đầy đủ phần mềm chuyên dụng, thiết bị, đường truyền mạng và máy in tương thích (kết nối qua cổng RS232C). <i>(Phần mềm chuyên dụng, máy in tương thích, thiết bị, đường truyền mạng là tùy chọn nâng cấp)</i>	
19	Kết nối với máy in và USB để xuất kết quả kiểm đếm	Kết nối được với máy in. Kết nối với USB/LAN để xuất kết quả kiểm đếm. Có thể đọc hoặc in kết quả kiểm đếm khi trang bị đầy đủ phần mềm chuyên dụng và máy in tương thích. <i>(Phần mềm chuyên dụng, máy in tương thích là tùy chọn nâng cấp)</i>	
Mục 2	Thông số kỹ thuật mở rộng (Option nâng cấp):	Máy có khả năng nâng cấp mở rộng nhằm nâng cao các tính năng.	
20	Nâng cấp số khay phân loại tiền	Có Option nâng cấp số khay phân loại tiền lên tới 16 khay.	
21	Kích thước và trọng lượng của khay phân loại tiền nâng cấp (Module nâng cấp)	Kích thước (mm): 1470 (rộng) x 455 (sâu) x 620 (cao). Trọng lượng: 149 kg	
22	Sức chứa khay phân loại tiền nâng cấp	200 tờ	
23	Kiểm tra tình trạng máy từ xa và khả năng nâng cấp	Có	
24	Thẻ tiêu đề	Có	
Mục 3	Chức năng máy		
25	Chức năng	Kiểm đếm và phân loại tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông.	
26		Kiểm đếm và phân loại tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông.	
27		Kiểm đếm, phân loại và phát hiện tiền giả, nghi giả.	

STT	Loại hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Ghi chú
28		Đọc, nhận diện và ghi số seri khi được cung cấp đầy đủ dữ liệu của đồng tiền.	
29		Kiểm đếm, phân loại và sắp xếp theo chiều hướng và mặt của tờ tiền.	
30		Kiểm đếm và phân loại tiền theo từng loại mệnh giá.	
31		Kiểm đếm và phân loại tiền theo nhiều mệnh giá kể cả khi bị trộn lẫn.	
32		Kiểm đếm và phân chia tiền phân loại (tiền đạt) theo số lượng cài đặt (đối với tiền VNĐ quy định là 01 thếp gồm 100 tờ, do vậy cài đặt cho mỗi khay tiền phân loại (tiền đạt) đầy ngăn là 100 tờ)	
33		Kiểm đếm và phân loại theo chất lượng: ATM/FIT/UNFIT.	
34		Báo cáo các lý do tờ tiền bị loại.	
35	Các chức năng khác	Phát hiện OVI và quản lý số sê-ri được kết nối với giải pháp đám mây khi được cung cấp đầy đủ dữ liệu của đồng tiền.	
B	PHẦN MỀM VÀ HỆ ĐIỀU HÀNH		
36	Phần mềm chức năng cơ bản của máy	Theo tiêu chuẩn của Hãng sản xuất đã được tích hợp đầy đủ đảm bảo vận hành các chức năng của Máy	
37	Phần mềm hỗ trợ vận hành của máy	1. Phát hiện sớm khi máy cần hỗ trợ 2. Tiềm năng khôi phục từ xa cho các lỗi dễ tăng khả năng vận hành máy 3. Nhanh chóng tiến hành các cập nhật để giảm tình trạng gián đoạn hoạt động của khách hàng 4. Truyền mẫu tiền giấy từ xa và cập nhật cấu hình 5. Theo dõi bất cứ tờ tiền nào thông qua quét hình ảnh – toàn bộ hay 1 phần khi được cung cấp đầy đủ dữ liệu của đồng tiền. 6. Từ chối tờ tiền có số Seri nằm trong danh sách đen cần kiểm tra khi được cung cấp đầy đủ dữ liệu của đồng tiền. 7. Từ chối tờ tiền bằng cách kiểm tra số seri kép khi được cung cấp đầy đủ dữ liệu của đồng tiền. 8. Ghi nhớ số Seri và dữ liệu tới bộ xử lý trung tâm/ Máy chủ cục bộ/ đám mây trong thời gian thực khi kết nối với hệ thống mạng và trang bị phần mềm chuyên dụng và được cung cấp đầy đủ dữ liệu của đồng tiền (<i>Phần mềm chuyên dụng là tùy chọn nâng cấp</i>).	Máy kiểm đếm, phân loại tiền thực hiện các chức năng 1,2,3,4 khi đáp ứng hạ tầng về đường truyền dữ liệu từ đơn vị sử dụng với Hãng sản xuất.

STT	Loại hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Ghi chú
		9. Chức năng truy xuất cơ sở dữ liệu linh hoạt 10. Báo cáo thông tin liên quan về trường hợp bị nghi ngờ cho Ngân hàng Trung Ương khi kết nối với hệ thống mạng và trang bị phần mềm chuyên dụng (<i>Phần mềm chuyên dụng là tùy chọn nâng cấp</i>)	
38	Phần mềm quản lý của máy	1. Hỗ trợ giám sát tình trạng hoạt động của thiết bị thời gian thực và lịch sử hoạt động của thiết bị khi thiết bị được kết nối với hệ thống mạng và trang bị phần mềm chuyên dụng (<i>Phần mềm chuyên dụng là tùy chọn nâng cấp</i>) 2. Thông kê báo cáo dữ liệu theo ngày/tháng/năm hoặc chọn khoảng thời gian báo cáo. Mẫu báo cáo có thể thay đổi theo yêu cầu của người sử dụng (đối với báo cáo Thông Tin Máy) bằng cách lựa chọn các danh mục có sẵn. 3. Cảnh báo đến người dùng khi có các bất thường xảy ra. Người dùng có thể cấu hình loại cảnh báo và độ ưu tiên cảnh báo.	
39	Hệ điều hành	Windows OS	
C	CHỨNG NHẬN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG		
40	Các chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng	CE (Chứng nhận tiêu chuẩn Châu Âu)	

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CUNG CẤP TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

II. MẪU BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO, TIẾP NHẬN TÀI SẢN:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO, TIẾP NHẬN TÀI SẢN

Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thỏa thuận khung số .../2023/TTK/PHKQ-HONGHA ngày .../.../2023 ký kết giữa Cục Phát hành và Kho quỹ – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Nhà thầu Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà;

Căn cứ Hợp đồng mua sắm tài sản số ... ngày tháng ... năm ... giữa (tên đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản) và Nhà thầu Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm....., tại (tên và địa chỉ Chi nhánh NHNN được trang bị tài sản), chúng tôi gồm có:

I. Đại diện nhà thầu cung cấp tài sản (Bên giao): Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà

- Ông Chức vụ:
- Ông Chức vụ:

II. Đại diện đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản (Bên nhận):

1. Ông (Bà)..... Chức vụ:.....
2. Ông (Bà)..... Chức vụ:.....
3. Ông (Bà)..... Chức vụ:.....

Hai bên thống nhất thực hiện nghiệm thu, bàn giao và tiếp nhận tài sản như sau:

1. Tài sản thực hiện bàn giao, tiếp nhận:

- Máy kiểm đếm, phân loại tiền mới 100%, sản xuất năm

STT	Tên tài sản	Đơn vị	Số lượng	Giá mua (đồng)	Thành tiền (đồng)	Hiện trạng tài sản bàn giao
1	Máy kiểm đếm, phân loại tiền Model: UW-F4EUVN Hãng sản xuất: Glory Xuất xứ: Nhật Bản Số seri:..... Năm sản xuất:	Chiếc	01	956.580.000	956.580.000	
	Tổng cộng		01	956.580.000	956.580.000	

Nhà thầu cung cấp tài sản thực hiện hướng dẫn vận hành, sử dụng hàng hóa cho Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

2. Các hồ sơ về tài sản bàn giao, tiếp nhận:

Bên giao có trách nhiệm bàn giao cho Bên nhận hồ sơ chứng từ liên quan đến tài sản như sau:

- 01 bản sao chứng thực Chứng thư giám định hàng hóa của cơ quan có chức năng cấp;
- 01 bản sao chứng thực giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (CO) và bảng kê chi tiết hàng hóa (Packinglist);
- 01 bản sao chứng thực giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ);
- 01 bản sao chứng thực Giấy chứng nhận bảo hành của hãng sản xuất;
- Sách hướng dẫn sử dụng, Cataloge và tài liệu kỹ thuật (*Nếu là bản tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt và nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch*).

3. Ý kiến của các bên giao, bên nhận (nếu có):

3.1. Ý kiến của Bên giao:

.....

3.2. Ý kiến của Bên nhận:

.....

Biên bản này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên giao và Bên nhận: mỗi bên giữ 02 (hai) bản; gửi 02 (hai) bản cho đơn vị mua sắm tập trung (Cục Phát hành và Kho quỹ).

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CUNG CẤP TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

III. MẪU BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG MUA SẴM TÀI SẢN:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG MUA SẴM TÀI SẢN

Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thỏa thuận khung số/2023/TTK/PHKQ-HONGHA ngày .../.../2023 ký kết giữa Cục Phát hành và Kho quỹ – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Nhà thầu Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà;

Căn cứ Hợp đồng mua sắm tài sản số ... ngày tháng ... năm ... giữa (tên đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản) và Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà;

Căn cứ Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản ngày.../.../..... giữa (tên đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản) và Nhà thầu Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà;

Hôm nay, ngày tháng năm 2023, tại (Tên và địa chỉ đơn vị NHNN được trang bị tài sản) chúng tôi gồm có:

I. Đại diện đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản (Sau đây gọi là Bên A):

.....

Đại diện Ông/Bà:Chức vụ:

II. Đại diện nhà thầu cung cấp tài sản (Sau đây gọi là Bên B): Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Savina, số 1 Đinh Lễ, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0243 - 2669122 Fax : 0243 – 2669123

Giấy đăng ký kinh doanh: 0106864881 Mã số thuế: 0106864881

Tài khoản: 0601101264002 tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Tây Hồ

Đại diện Ông/Bà:Chức vụ:

Các bên thống nhất và đồng ý ký kết biên bản thanh lý Hợp đồng này với các điều khoản quy định dưới đây:

Điều 1. Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng.

Căn cứ Hợp đồng số mua sắm tài sản số.....ngày.../.../..... giữa (tên đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản) và Nhà thầu Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà, sau khi nhận thấy những mục đích và lợi ích khi ký kết hợp đồng đã đầy

đủ, các bên đồng ý chấm dứt hợp đồng kể từ ngày các bên đồng ý ký kết vào văn bản này.

Các bên được giải phóng khỏi những quy định theo Hợp đồng mua sắm tài sản số ... ngày .../.../... mà không gặp phải bất kỳ trở ngại nào, trừ nghĩa vụ phải hoàn thành theo Điều 3 của Biên bản này.

Điều 2: Nghĩa vụ đã hoàn thành:

Bên B đã hoàn tất việc cung cấp hàng hóa đúng với Điều 1 của Hợp đồng mua sắm tài sản số...ngày.../.../2023, cụ thể như sau:

STT	Tên tài sản	Đơn vị	Số lượng	Giá mua (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Máy kiểm đếm, phân loại tiền Model: UW-F4EUVN Hãng sản xuất: Glory Xuất xứ: Nhật Bản Số seri:..... Năm sản xuất:	Chiếc	01	956.580.000	956.580.000	
	Tổng cộng		01	956.580.000	956.580.000	

Điều 3: Nghĩa vụ còn lại của các bên:

3.1. Bên B có trách nhiệm:

1. Thời hạn bảo hành: Bảo hành 12 tháng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa hàng hóa vào sử dụng. Hỗ trợ kỹ thuật, khắc phục sự cố trực tiếp tại Bên A hoặc hỗ trợ từ xa. Nếu hàng hoá phải sửa chữa hay thay thế trong thời gian bảo hành thì thời gian bảo hành cho thiết bị được sửa chữa hay thay thế sẽ được tính kéo dài tương ứng kể từ ngày Bên A chấp nhận thiết bị sửa chữa hoặc thay thế đó.

2. Địa điểm bảo hành: Tại Điện thoại.....

3. Tiền bảo hành: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành nghiệm thu, bàn giao hàng hóa cho Bên A, Bên B phải nộp Bảo lãnh bảo hành của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam với giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng mua sắm tài sản cho Bên A để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo hành. Bên A sẽ giải chấp bảo lãnh bảo hành cho Bên B theo thời hạn bảo hành quy định.

4. Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh khi sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành:

- Bên B bảo hành những lỗi do lỗi của nhà sản xuất, không bảo hành những lỗi do người sử dụng gây ra.
- Việc khiếu nại liên quan đến bảo hành phải được thực hiện bằng văn bản.

- Bên B phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật của hàng hóa cho Bên A trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A. Mọi chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật... do Bên B chịu. Trường hợp Bên B không khắc phục hư hỏng, lỗi sản xuất, khuyết tật... của hàng hóa đúng thời hạn, Bên A sẽ tự sửa chữa và khắc phục. Mọi chi phí liên quan đến việc sửa chữa hàng hóa trong thời hạn bảo hành, Bên A sẽ yêu cầu Ngân hàng bảo lãnh bảo hành cho Bên B thanh toán hoặc yêu cầu Bên B hoàn trả.

5. Số điện thoại liên hệ bảo hành: hoặc hotline

6. Dịch vụ yêu cầu:

- Vật tư, phụ tùng thay thế: Bên B có trách nhiệm cung cấp phụ tùng, vật tư thay thế chính hãng sản xuất trong thời hạn 05 năm kể từ khi hết hạn bảo hành của hàng hóa theo yêu cầu của Bên mua.

- Dịch vụ sau bán hàng:

+ Bên B có trách nhiệm cung cấp dịch vụ bảo trì sau thời gian bảo hành nếu được yêu cầu (chi phí do Bên mua chịu).

+ Hỗ trợ kỹ thuật cho Bên A về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa khi có yêu cầu, trong khoảng thời gian được các Bên đồng ý, với điều kiện là những dịch vụ này không miễn trừ cho Bên B khỏi các nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo quy định tại hợp đồng.

3.2. Bên A có trách nhiệm:

Khi có sự cố, Bên A liên lạc bằng văn bản (Fax, email) hoặc qua điện thoại với Bên B mô tả hiện tượng của sự cố để được hướng dẫn xử lý.

Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì theo Điều 3.1 Điều này.

Điều 4. Điều khoản chung:

- Các bên đã đọc và thống nhất về những thỏa thuận trong Biên bản này.

- Các bên cam kết tiếp tục thực hiện nghĩa vụ còn lại theo Hợp đồng mua sắm tài sản số.....ngày.../.../.... giữa (tên đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản) và Nhà thầu Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Công nghệ Hồng Hà cho đến hết thời hạn theo thỏa thuận.

- Biên bản được ký dựa trên nguyên tắc tự nguyện của các bên.

- Biên bản này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau; Bên A và Bên B mỗi bên giữ 02 bản; gửi 02 bản về đơn vị mua sắm tập trung (Cục Phát hành và Kho quỹ).

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
CUNG CẤP TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP
SỬ DỤNG TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)